TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2019/HNGĐ-ST
Ngày 03-5-2019
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Xuân Quyết

Bà Đỗ Thị Thanh Tú

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh là Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 03 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 61/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1571/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Ph; nơi cư trú: Xã Dương Q, huyện Thủy Ng, thành phố Hải Phòng, có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Anh LI WAI S; nơi cư trú:, Đặc khu Hồng Kông, Trung Quốc, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ph trình bày: Chị và anh LI WAI S thông qua giới thiệu đã kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên , thành phố Hải Phòng vào năm 2016. Sau khi kết hôn vì điều kiện công việc nên anh LI WAI S phải quay trở lại Đặc khu Hồng Kông , Trung Quốc. Trước khi quay trở về nước anh LI WAI S có hứa sẽ làm thủ tục để bảo lãnh cho chị sang đoàn tụ vợ chồng. Tuy nhiên, do không đủ điều kiện nên anh LI WAI S không thể làm thủ tục bảo lãnh cho chị sang đoàn tụ được. Trong quá trình chung sống giữa chị và anh LI WAI S cũng không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách giữa chị và anh LI WAI S không hợp nhau , khoảng cách về địa lý khiến cho vợ chồng không thể chia sẻ, thông cảm với nhau nên tình cảm vợ chồng dần phai nhạt. Đến năm 2018 thì giữa chị và anh LI WAI S hoàn toàn không còn

liên lạc gì với nhau về tình cảm cũng như kinh tế. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng cũng không còn, khả năng đoàn tụ là không thể chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh LI WAI S.

Về nuôi con và tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Ph và anh LI WAI S không có con chung, tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong đơn xin ly hôn gửi về Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, bị đơn là anh LI WAI S trình bày: Anh thống nhất với chị Nguyễn Thị Ph về quá trình kết hôn, về con chung, về tài sản chung cũng như nguyên nhân dẫn đến việc vợ chồng ly hôn. Nay anh LI WAI S cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã nghiêm trọng không thể hàn gắn nên anh cũng đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Ph.

Do anh LI WAI S đang ở nước ngoài anh không yêu cầu hòa giải nên căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án.

Tại phiên tòa: Chị Nguyễn Thị Ph có mặt vẫn giữ nguyên quan điểm như trong đơn xin ly hôn và các bản tự khai. Anh LI WAI S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự được thẩm tra tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị Ph và anh LI WAI S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng vào ngày 20 tháng 5 năm 2016, theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đây là hôn nhân hợp pháp. Vụ án có đương sự hiện đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài, theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Anh LI WAI S vắng mặt tại phiên tòa, anh có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và ủy quyền cho chị Nguyễn Thị Ph nhận văn bản tố tụng của Tòa án cho anh, tài liệu của anh đã được Tổng Lãnh sự quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Đặc khu Hồng Kông , Trung Quốc chứng nhận . Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, của Bộ luật Tố tụng dân sự Toà án tiến hành xét xử vắng mặt anh LI WAI S.

[3] Về hôn nhân: Lời khai của chị Nguyễn Thị Ph thống nhất với lời khai của anh LI WAI S về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, đồng thời lời khai của anh chị cũng phù hợp với ý kiến của đại diện gia đình. Do đó, có cơ sở xác định cuộc sống chung giữa chị Nguyễn Thị Ph và anh LI WAI S không hạnh phúc . Nguyên nhân do tính cách giữa hai bên không hợp nhau , mỗi người một nước nên không có khả năng đoàn tụ vợ chồng, nay cả hai cùng xác nhận tình cảm vợ chồng

không còn. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Ph và anh LI WAI S đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên việc chị Nguyễn Thị Ph xin ly hôn là hoàn toàn chính đáng, cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận đề nghị xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Ph.

[4] Về nuôi con và chia tài sản: Chị Nguyễn Thị Ph và anh LI WAI S khai thống nhất không có con chung, tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ph là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo của các đương sự: Chị Nguyễn Thị Ph và anh LI WAI S được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2, khoản 4 Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ph được ly hôn với anh LI WAI S.

2. Về nuôi con, chia tài sản: Chị Nguyễn Thị Ph và anh LI WAI S không có con chung, tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ph phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0001723 ngày 26 tháng 3 năm 2019 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị Ph đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo của các đương sự:

Chị Nguyễn Thị Ph được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh LI WAI S được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND H.Thủy Nguyên, TP Hải Phòng;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thu Hương